

Số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2021

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH- TỈNH QUẢNG BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Xuân Hành

Ông Nguyễn Văn Ba.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2020/TLST- HNGĐ, ngày 01/12/2020 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/3/2021; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Hải Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1965; nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Q; chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 18/11/2020, bản tự khai ngày 08/12/2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Hải Đ đều trình bày: Ông và bà L trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh B vào ngày 04/7/1984. Sau kết hôn, vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Q được 25 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do không hợp tính tình nên vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc mà thường xuyên gây gỗ, xúc phạm nhau, không tin tưởng nhau, bà L sống không có trách nhiệm với gia đình chồng con nên bà đã bỏ về sống cùng với con trai tại thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Q, vợ chồng sống ly thân đã 10 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Hiện tại ông Đ xác định tình cảm giữa ông và bà L thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn; con chung: có 03 con Trần Thị Lệ T, sinh năm 1985; Trần Thị Huyền T, sinh năm 1987 và Trần Văn S, sinh năm 1989, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết; tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa cũng như phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ. Song qua bản tự khai

ngày 03/02/2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không yêu cầu hòa giải, bà L trình bày: Bà đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng vì lý do công việc nên bà không thể tham gia giải quyết vụ án được và xin Tòa án xét xử vắng mặt và không hòa giải vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Về nội dung, bà L xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên bà nhất trí ly hôn theo yêu cầu của ông Đ; con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết; tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hải Đ và bà Lê Thị L đăng ký kết hôn ngày 04/7/1984 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra bất hòa, không có niềm tin đối với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt, mất mát nên vợ chồng đã sống ly thân 10 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Bà L đã được Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kể cả giấy triệu tập phiên tòa được tổng đạt hợp lệ nhưng bà L vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu tòa án hòa giải vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng thực sự đã hết. Qua đó, chứng tỏ bà L không muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của ông Đ. Ông Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn bà Liễu.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho hai bên ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3]. Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.4]. Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho ông Trần Hải Đ và bà Lê Thị L được ly hôn.

3. Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Hải Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0007115, ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, ông Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/3/2021, bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Quang Ninh;
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS H. Quảng Ninh;
- UBND xã Lương Ninh (ĐKKH ngày 04/7/1984);
- Lưu: HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Châu**